TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN EA KAR
TỈNH ĐẮK LẮK
Bản án số: 20/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 29/9/2017
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EA KAR, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Ông Phạm Xuân Chiến.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Khắc Dũng.

2. Bà Nguyễn Thị Tuyết.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Thu Ba – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar *tham gia phiên tòa*: Bà Phạm Thị Phượng - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2017, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Ea Kar xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 205/2017/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2017 về việc " *Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2017/QĐXX-ST ngày 29 tháng 8 năm 2017, giữa các đương sự:

-*Nguyên đơn:* Anh Hoàng Văn T, sinh năm 1985. Trú tại: thôn B, xã B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk: có mặt.

-*Bị đơn*: Chị Nông Thị M, sinh năm 1989. Trú tại: thôn B, xã B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk: có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

-Tại đơn khởi kiện ghi ngày 06/6/2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên toà nguyên đơn anh Hoàng Văn T trình bày:

Về hôn nhân: Tôi (T) và chị Nông Thị M chung sống với nhau từ tháng 10 năm 2006, trên cơ sở tự nguyện và được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới theo

phong tục tập quán nhưng không đăng ký kết hôn mà đến ngày 21/6/2011 vợ chồng mới đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Cuộc sống chung hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thiếu sự quan tâm và chăm sóc cho nhau, chị M thường hay ghen tuông vô cớ và bỏ nhà đi không lý do. Ngoài ra, chị M còn có tình cảm với người đàn ông khác, do đó vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau, có những lời lẽ xúc phạm nhau. Mâu thuẫn vợ chồng gay gắt từ tháng 01 năm 2017 và kéo dài đến nay. Mặc dù, gia đình và chính quyền địa phương đã hòa giải động viên nhưng không thành. Xét thấy cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên anh T yêu cầu xin ly hôn với chị M.

Về con chung: Vợ chồng sinh được 02 (hai) con chung là Hoàng Tuấn A, sinh ngày 21/10/2013 và Hoàng Anh C, sinh ngày 08/7/2015. Quá trình thu thập chứng cứ, anh T có nguyện vọng trực tiếp nuôi con chung Hoàng Tuấn A và giao con chung Hoàng Anh C cho chị M nuôi dưỡng. Đồng thời, không yêu cầu chị M cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung.

Về tài sản chung và công nợ chung: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không kê khai.

-Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên toà bị đơn chị Nông Thị M trình bày:

Về hôn nhân: Thừa nhận thời gian, hoàn cảnh, điều kiện kết hôn như lời trình bày của anh T là đúng. Vợ chồng sống hạnh phúc đến ngày 09/10/2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, anh T thường xuyên uống rượu, không quan tâm, chăm sóc cho gia đình, hay ghen tuông vô cớ và còn có tình cảm với người phụ nữ khác. Từ đó, vợ chồng thường xảy ra cãi nhau và anh T đánh đập tôi nhiều lần. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng và gay gắt nhất từ tháng 11/2016, kéo dài đến nay. Mặc dù, chính quyền địa phương và gia đình đã động viên hòa giải nhưng không thành. Tuy nhiên, tình cảm vợ chồng vẫn còn nên chị M có nguyện vọng được đoàn tụ để nuôi dạy con cái.

Về con chung: Vợ chồng sinh được 02(hai) con chung là Hoàng Tuấn A và Hoàng Anh C như lời trình bày của anh T. Chị M nhất trí giao con chung Hoàng Tuấn A cho anh T nuôi dưỡng, còn chị trực tiếp nuôi dưỡng con chung Hoàng Anh C và không yêu cầu anh T cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung.

Về tài sản chung và công nợ chung: Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không kê khai.

Tuy nhiên, sau khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử và tại phiên toà chị Nông Thị M yêu cầu Toà án phân chia tài sản chung của vợ chồng.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar phát biểu ý kiến và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 56 và Điều 81 Luật hôn nhân gia đình; Về hôn nhân: Anh Hoàng Văn T được ly hôn với chị Nông Thị M; Về con chung: chấp nhận sự thỏa thuận của các đương sự: giao con chung Hoàng Tuấn A, sinh ngày 21/10/2013 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng; giao con chung Hoàng Anh C, sinh ngày 08/7/2015 cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng. Các bên đều không yêu cầu cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung nên không đặt ra giải quyết.

Đồng thời, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa khẳng định quá trình thu thập chứng cứ và tại phiên tòa, Tòa án thực hiện đầy đủ và đúng các quy định của pháp luật về tố tụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ hôn nhân*: Xét lời khai của đương sự và tài liệu trong hồ sơ vụ án, xác định: anh Hoàng Văn T và chị Nông Thị M tự nguyện chung sống với nhau từ tháng 10 năm 2006 và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 21/6/2011 (được cấp giấy chứng nhận kết hôn lưu hồ sơ vụ án) nên hôn nhân giữa anh T và chị M là hôn nhân hợp pháp.

Căn cứ vào biên bản xác minh tại đoàn thể, chính quyền nơi cư trú và lời trình bày của các đương sự trong quá trình thu thập chứng cứ và tại phiên tòa, xác định: anh T và chị M chung sống hạnh phúc được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, kéo dài. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, thường nghi ngờ, ghen tuông lẫn nhau nên thường xuyên xảy ra xung đột và có những lời lẽ xúc phạm nhau, thiếu sự tôn trọng thương yêu nhau. Mặc dù, chính quyền hòa giải nhiều lần nhưng không thành mà mâu thuẫn vợ chồng ngày càng gay gắt cho đến nay. Như vậy, xét tình trạng mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh T xác định tình cảm vợ chồng không còn. Do đó, xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn anh Hoàng Văn T là có căn cứ, phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình, cần chấp nhận.

[2] *Về con chung:* Tại phiên tòa các đương sự thỏa thuận: Giao con chung Hoàng Tuấn A, sinh ngày 21/10/2013 cho anh Hoàng Văn T trực tiếp trông nom,

chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi con chung đủ 18 tuổi; giao con chung Hoàng Anh C, sinh ngày 08/7/2015 cho chị Nông Thị M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi con chung đủ 18 tuổi. Hội đồng xét xử nhận thấy: việc thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, có căn cứ và phù hợp với các Điều 81, Điều 82 Luật hôn nhân gia đình, cần chấp nhận.

[3] *Về cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung:* Các đương sự đều không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết.

Anh Hoàng Văn T và chị Nông Thị M có quyền đi lại thăm nom các con chung và không bị cản trở. Tuy nhiên, anh T và chị M không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Vì lợi ích của các con chung các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con chung và cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung.

[4] *Về tài sản chung*: Quá trình thu thập chứng cứ giải quyết vụ án, các đương sự đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không kê khai. Tuy nhiên, sau khi Toà án có quyết định đưa vụ án ra xét xử, chị M có đơn yêu cầu phân chia tài sản chung của vợ chồng.

Theo quy định tại khoản 3 Điều 200 Bộ luật tố tụng dân sự: bị đơn có quyền đưa ra yêu cầu phản tố trước thời điểm mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

Do đó, yêu cầu phân chia tài sản của chị M không giải quyết trong cùng vụ án này. Tòa án xem xét thụ lý giải quyết thành một vụ án khác khi đương sự có yêu cầu.

[6] *Về công nợ chung:* Các đương sự không yêu cầu Toà án giải quyết nên không kê khai. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết.

[7] *Về án phí:* Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a Khoản 5 Điều 27, tiểu mục 1.1 mục 1 phần II (Danh mục án phí) Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Nguyên đơn anh Hoàng Văn T phải chịu 300.000^{đ} (ba trăm nghìn đồng) án phí Ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000^{đ} (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0002811 ngày 12/6/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 200, Điều 266 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân gia đình; điểm a Khoản 5 Điều 27, tiểu mục 1.1 mục 1 phần II (Danh mục án phí) Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. ***Về hôn nhân:*** Xử anh Hoàng Văn T được ly hôn với chị Nông Thị M.

2. ***Về con chung:*** Công nhận sự thỏa thuận tại phiên tòa: Giao con chung Hoàng Tuấn A, sinh ngày 21/10/2013 cho anh Hoàng Văn T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi con chung đủ 18 tuổi; giao con chung Hoàng Anh C, sinh ngày 08/7/2015 cho chị Nông Thị M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung: Các đương sự không yêu cầu cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

Anh Hoàng Văn T và chị Nông Thị M có quyền đi lại thăm nom các con chung và không bị cản trở. Tuy nhiên, anh T và chị M không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Vì lợi ích của các con chung các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con chung và cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung.

3. Về tài sản chung và công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Nguyên đơn anh Hoàng Văn T phải chịu 300.000^{đ} (ba trăm nghìn đồng) án phí Ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000^{đ} (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0002811 ngày 12/6/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Phạm Xuân Chiến

Nơi nhận:
-Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.
-Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar.
-Chi cục THADS huyện K.
-UBND xã B, huyện K.
-Các đương sự;
-Lưu HS, VP.